

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 12/01/2025

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	14/9/1990	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	25/QĐ12/2025	TH010628	
2	Văn Thị Khánh Chi	Nữ	04/01/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	26/QĐ12/2025	TH010629	
3	Lô Minh Đức	Nữ	07/5/2001	Nghệ An	Thái	7.7	7.0	27/QĐ12/2025	TH010630	
4	Trần Thị Giang	Nữ	04/9/1994	Nghệ An	Kinh	6.0	8.5	28/QĐ12/2025	TH010631	
5	Vũ Thị Vân Hằng	Nữ	31/10/1996	Nghệ An	Kinh	7.7	8.0	29/QĐ12/2025	TH010632	
6	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	08/7/1979	Nghệ An	Kinh	7.3	9.0	30/QĐ12/2025	TH010633	
7	Phan Thị Thanh Hiền	Nữ	26/8/1987	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	31/QĐ12/2025	TH010634	
8	Dương Thu Hoài	Nữ	27/10/2003	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	32/QĐ12/2025	TH010635	
9	Hồ Thị Huệ	Nữ	08/9/1997	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	33/QĐ12/2025	TH010636	
10	Trần Thị Huyền	Nữ	01/10/1997	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	34/QĐ12/2025	TH010637	
11	Phạm Thị Lai	Nữ	05/01/2000	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	35/QĐ12/2025	TH010638	
12	Hồ Khánh Linh	Nữ	15/9/2003	Nghệ An	Kinh	5.3	9.0	36/QĐ12/2025	TH010639	
13	Nguyễn Lê Ngọc Linh	Nữ	09/10/1997	Nghệ An	Kinh	7.0	9.0	37/QĐ12/2025	TH010640	
14	Nguyễn Thị Loan	Nữ	05/6/1990	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	38/QĐ12/2025	TH010641	
15	Đoàn Văn Lợi	Nam	22/01/1986	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	39/QĐ12/2025	TH010642	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
16	Phạm Thị Khánh Ly	Nữ	28/9/2001	Nghệ An	Kinh	6.7	6.5	40/QĐ12/2025	TH010643	
17	Lê Duy Nam	Nam	29/3/1994	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	41/QĐ12/2025	TH010644	
18	Võ Thị Ngọc	Nữ	25/3/2000	Nghệ An	Kinh	7.0	8.0	42/QĐ12/2025	TH010645	
19	Nguyễn Thị Phương Nhi	Nữ	01/9/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	43/QĐ12/2025	TH010646	
20	Lê Thị Phương	Nữ	04/7/2001	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	44/QĐ12/2025	TH010647	
21	Hoàng Thị Hà Phương	Nữ	23/9/1997	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	45/QĐ12/2025	TH010648	
22	Nguyễn Thị Phương	Nữ	20/5/1992	Nghệ An	Kinh	8.7	9.0	46/QĐ12/2025	TH010649	
23	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Nữ	17/7/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	8.5	47/QĐ12/2025	TH010650	
24	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	16/10/2002	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	48/QĐ12/2025	TH010651	
25	Võ Thị Thu	Nữ	02/6/1989	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	49/QĐ12/2025	TH010652	
26	Hoàng Thị Thư	Nữ	08/10/1989	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	50/QĐ12/2025	TH010653	
27	Tăng Thị Hà Trang	Nữ	31/7/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	51/QĐ12/2025	TH010654	
28	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	09/9/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	52/QĐ12/2025	TH010655	
29	Ngô Lê Minh Vũ	Nữ	09/3/2002	Nghệ An	Kinh	7.7	9.0	53/QĐ12/2025	TH010656	
30	Phan Thị Yến	Nữ	20/7/1980	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	54/QĐ12/2025	TH010657	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			

